**A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ THI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 MÔN TOÁN – LỚP 8**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/Chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TL** | **TL** |  |
| 1 | **Biểu thức đại số**  | Đa thức nhiều biến. Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia các đa thức nhiều biến | 4(1,0) | 1(1,5) |  |  | 1(0,5) |  | 6,5 |
| Hằng đẳng thức đáng nhớ | 2(0,5) |  | 2(0,5) | 1(1,0) | 1(0,5) | 1(1,0) |
| 2 | **Tứ giác** | Tứ giác | 1(0,25) |  |  |  |  |  | 3,5 |
| Tính chất và dấu hiệu nhận biết các tứ giác đặc biệt | 3(0,75) |  |  | 1(1,5) | 1(1,0) |  |
|  |
| **Tổng** | **11** | **4** | **3** | **1** |  |
| **Tỉ lệ % điểm** | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | **70%** | **30%** | **100** |

**B. BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ THI KIỂM TRA GIỮA KÌ I MÔN TOÁN -LỚP 8**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương / Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết**  | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | **Biểu thức đại số** | ***Đa thức nhiều biến. Các phép toán cộng, trừ, nhân, chia các đa thức nhiều biến*** | **Nhận biết:**– Nhận biết được các khái niệm về đơn thức, đa thức nhiều biến. | **4 TN****1TL** |  |  |  |
| **Thông hiểu:** – Tính được giá trị của đa thức khi biết giá trị của các biến. |  |  |  |  |
| **Vận dụng:** – Thực hiện được việc thu gọn đơn thức, đa thức.– Thực hiện được phép nhân đơn thức với đa thức và phép chia hết một đơn thức cho một đơn thức.– Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ, phép nhân các đa thức nhiều biến trong những trường hợp đơn giản.– Thực hiện được phép chia hết một đa thức cho một đơn thức trong những trường hợp đơn giản. |  |  | **1TL** |  |
| ***Hằng đẳng thức đáng nhớ*** |  **Nhận biết:** – Nhận biết được các khái niệm: đồng nhất thức, hằng đẳng thức. | **2TN** |  |  |  |
| **Thông hiểu:** – Mô tả được các hằng đẳng thức: bình phương của tổng và hiệu; hiệu hai bình phương; lập phương của tổng và hiệu; tổng và hiệu hai lập phương. |  | **2TN****1TL** | **1TL** |  |
| **Vận dụng cao:**– Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các hằng đẳng thức. |  |  |  | **1TL** |
| 2 | **Tứ giác**  | ***Tứ giác*** | **Nhận biết:**– Mô tả được tứ giác, tứ giác lồi.**Thông hiểu:**– Giải thích được định lí về tổng các góc trong một tứ giác lồi bằng 360o | **1TN** |  |  |  |
| **Thông hiểu:**– Giải thích được định lí về tổng các góc trong một tứ giác lồi bằng 360o |  |  |  |  |
| ***Tính chất và* *dấu hiệu nhận biết các tứ giác đặc biệt*** | **Nhận biết:**– Nhận biết được dấu hiệu để một hình thang là hình thang cân (ví dụ: hình thang có hai đường chéo bằng nhau là hình thang cân).– Nhận biết được dấu hiệu để một tứ giác là hình bình hành (ví dụ: tứ giác có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường là hình bình hành).– Nhận biết được dấu hiệu để một hình bình hành là hình chữ nhật (ví dụ: hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau là hình chữ nhật). – Nhận biết được dấu hiệu để một hình bình hành là hình thoi (ví dụ: hình bình hành có hai đường chéo vuông góc với nhau là hình thoi). – Nhận biết được dấu hiệu để một hình chữ nhật là hình vuông (ví dụ: hình chữ nhật có hai đường chéo vuông góc với nhau là hình vuông). | **3TN** | **1TL** | **1TL** |  |
| **Thông hiểu**– Giải thích được tính chất về góc kề một đáy, cạnh bên, đường chéo của hình thang cân.– Giải thích được tính chất về cạnh đối, góc đối, đường chéo của hình bình hành.– Giải thích được tính chất về hai đường chéo của hình chữ nhật.– Giải thích được tính chất về đường chéo của hình thoi. – Giải thích được tính chất về hai đường chéo của hình vuông. |  |  |  |  |
|
|
|